TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **238**/2022/DS-PT
Ngày: 14-11-2022
"*V/v tranh quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phước Thanh**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Việt Cường**

Ông **Trương Công Thi**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Dung**, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022 tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án dân sự thụ lý số: 130/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc " *Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ GCNQSD đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-PT ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị L. Có mặt
Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Bình
2. Bị đơn: Ông Cao T Đ. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Bình.
Người đại diện uỷ quyền: Ông Đinh Văn L. Có mặt.
Địa chỉ: huyện H, tỉnh Quảng Bình
3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
- Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bắc V - Chủ tịch UBND huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền*:* Ông Đinh Minh T - Trưởng phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã S, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Ông Đinh Văn T; Địa chỉ: xã S, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người đại diện uỷ quyền: Bà Đinh Thị L. Có mặt.

Địa chỉ: xã S, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp*:* Ông Hoàng Khắc C, trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

4. Người kháng cáo: bị đơn ông Cao T Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hoà giải nguyên đơn và Đinh Thị L trình bày:*

Gia đình bà được giao đất từ năm 2007 đến năm 2009 khi có dự án giao đất rừng cho các hộ dân, Ủy ban nhân dân xã, thôn S và đơn vị tư vấn lập danh sách và diện tích để giao cho các hộ gia đình trong đó có hộ gia đình bà. Năm 2010 gia đình bà được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BB 042381 ngày 13/5/2010, thửa đất số 250, tờ bản đồ số 13, diện tích 25.757m2 tại khu vực Đ, xã S, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Mục đích là giao đất trồng rừng sản xuất. Năm 2012 lúc đó con bà còn nhỏ nên gia đình bà không sử dụng đất, ông Cao T Đ mượn đất của gia đình bà để sử dụng. Năm 2014 gia đình bà có nhu cầu lấy đất để trồng cây và yêu cầu ông Cao T Đ trả lại đất nhưng ông Cao T Đ không trả nói đây là đất của gia đình ông. Gia đình bà có báo với chính quyền xã để yêu cầu giải quyết nhưng không thành. Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu ông Cao T Đ trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm. Tại các phiên hòa giải bà Đinh Thị L yêu cầu ông Cao T Đ trả lại diện tích 973m2 theo kết quả thẩm định ngày 01/4/2021.

** Bị đơn ông Cao T Đ:*

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của bà Đinh Thị L, ông Cao T Đ có đơn phản tố với nội dung: Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho gia đình bà Đinh Thị L thể hiện thông tin là thửa đất số 250, tờ bản đồ số 13, tại khu vực đồi Đ thuộc xã S, huyện M, tỉnh Quảng Bình diện tích 25.757m2, đất trồng rừng sản xuất. Đối chiếu với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực địa thì hoàn toàn khác trên thực tế.Theo bản đồ số 250 thì bản đồ thể hiện Đồi đá lồng (đất trồng rừng) nhưng đất của gia đình ông là đất Đồng đá giăng (đất sản xuất nông nghiệp). Từ năm 1980 bố mẹ ông đã cải tạo thửa đất này, khai hoang phục hóa, sau đó giao lại cho ông sản xuất liên tục cho đến năm 2015 thì xã S tiến hành làm con đường liên thôn chạy qua vùng đất này. Năm 2020 bà L yêu cầu gia đình ông trả lại đất vì cho rằng đó là đất của bà đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ông Cao T Đ thì năm 2010 Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đinh Thị L và ông

Đinh Văn T không xem xét hiện trạng đất, không xác minh rõ nguồn gốc đất là không đúng quy định. Vì vậy ông đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 042381 thửa đất số 250, tờ bản đồ số 13 ngày 15/5/2010 mà Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho hộ ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị L.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Bình: Tại Công văn số 50/TNMT ngày 01/11/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M có ý kiến như sau: thực hiện công tác giao đất phát triển trồng rừng kinh tế, năm 2010 hộ gia đình bà Đinh Thị L và ông Đinh Văn T được Ủy ban nhân dân xã S xét giao 01 lô đất có diện tích 25.757m2 tại khu vực Đ, xã S, huyện M. Việc giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đinh Thị L và ông Đinh Văn T được Ủy ban nhân dân xã xét và công khai 15 ngày tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã và nhà sinh hoạt cộng đồng thôn theo đúng quy định. Trong quá trình công khai, Ủy ban nhân dân xã S không nhận được khiếu kiện, khiếu nại đối với thửa đất được xét giao cho ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị L. Sau khi kết thúc công khai Ủy ban nhân dân xã S đã có hồ sơ trình Ủy ban nhân dân huyện quyết định giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình trong đó có hộ bà Đinh Thị L và ông Đinh Văn T. Ngày 13/5/2010 Ủy ban nhân dân huyện M đã có Quyết định số 178/QĐ- UBND về việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 55 hộ gia đình tại xã S, trong đó có hộ ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị L được cấp thửa đất số 250, tờ bản đồ số 13, diện tích 25.757m2 tại khu vực Đ, xã S, huyện M, tỉnh Quảng Bình, mục đích sử dụng đất rừng sản xuất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB042318 cấp ngày 13/5/2010. Về trình tự thủ tục giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị L được thực hiện theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2003, Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ và các văn bản khác về thi hành Luật Đất đai. Do đó yêu cầu của ông Cao T Đ hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị L là không có căn cứ.

- Ủy ban nhân dân xã S, huyện M, tỉnh Quảng Bình: Tại các văn bản số 100/UBND ngày 26/10/2021, văn bản số 99/UBND ngày 16/11/2021 và văn bản số 98/UBND ngày 5/11/2021 của UBND xã S có ý kiến: Phần đất giao cho hộ bà L, ông T (trong đó có phần đất tranh chấp) trước đây là đất do UBND xã quản lý, sau đó có chủ trương cấp đất lâm nghiệp cho dân, UBND xã S đã rà soát quỹ đất lâm nghiệp, tổ chức họp thôn, thông báo chủ trương sau đó phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các hộ dân theo đúng luật định. Từ khi cấp giấy đến nay không có ai tranh chấp.

Những người làm chứng trình bày:

- Ông Cao Xuân T, ông Cao Minh Đ, ông Cao Đ trình bày: Trước đây đất tranh chấp là do xã quản lý, sau đó một số hộ dân sử dụng có gia đình ông Đ khai phá từ năm 1980. Thửa đất tranh chấp là vùng Đá Giăng là đất sản xuất nông nghiệp chứ không phải đất trồng rừng. Địa danh Đ - Đá Giăng trước đây do không có đường nên phân biệt nhau bởi vùng đất bằng và đất dốc, không có

ranh giới cụ thể. Việc cấp đất cho gia đình bà L các ông không biết vì gia đình bà L ông T từ trước đến nay không sử dụng vùng đất tranh chấp.

- Ông Đinh Xuân T: Gia đình ông được giao đất lâm nghiệp từ năm 2007 sát thửa đất ông Đinh Văn T, sau khi được giao đất thì gia đình ông trồng tràm, cắm mốc từ dưới suối lên trên núi. Thời điểm đó ông Cao T Đ làm trưởng thôn S có xác nhận danh sách các hộ dân được giao. Việc ông Đ tự đặt là đất Đá Giăng là không đúng mà đất đá bằng đó cũng thuộc đất đồi Đ.

- Ông Cao Thái U, ông Đinh Đ trình bày: Không có vùng đất Đá Giăng, vùng giao đất lâm nghiệp trong năm 2010 gọi là vùng đất Đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ Điều 175 Bộ luật dân sự; Điều 100, Điều 166, Điều 170, Điều 202, Điều 203 Luật Đất đai; Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị L buộc ông Cao T Đ phải trả lại 973,2m2 diện tích đất đã lấn chiếm thuộc thửa đất 250, tờ bản đồ số 13 xã S, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Cao T Đ yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 042318, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00730 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/5/2010, thửa 250, tờ bản đồ số 13 tại khu vực Đ, xã S, huyện M, tỉnh Quảng Bình mang tên ông T và L.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí thẩm định tại chỗ và thông báo về quyền kháng cáo.

Ngày 10/6/2022, ông Cao T Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 042318, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00730 do ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/5/2010, thửa 250, tờ bản đồ số 13 tại khu vực Đ, xã S, huyện M, tỉnh Quảng Bình mang tên ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị L. .

Tại phiên tòa phúc thẩm: Những người kháng cáo không rút, thay đổi hoặc bổ sung kháng cáo. Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của những người tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền lợi, ý kiến của Kiểm sát viên và sau khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thực hiện việc giao đất phát triển trồng rừng kinh tế; Ủy ban nhân dân xã S căn cứ vào danh sách các hộ đăng ký tham gia trồng rừng, quỹ đất do UBND xã quản lý và chủ trương cấp đất lâm nghiệp; Ủy ban nhân dân xã S tiến hành họp xét và niêm yết công khai danh sách các hộ đủ điều kiện giao đất trồng

rừng, trong đó có hộ ông T, bà L; việc công khai danh sách được thực hiện trong thời gian 15 ngày tại Trụ sở ủy ban nhân dân xã S và nhà sinh hoạt cộng đồng thôn S theo quy định và trong quá trình công khai không có khiếu kiện hoặc khiếu nại đối với thửa đất số 250, tờ bản đồ số 13, diện tích 25.757m^2 mà Ủy ban nhân dân xã S xét giao cho ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị L. Do đó, ngày 13/5/2010 Ủy ban nhân dân huyện M đã có Quyết định số 178/QĐ-UBND về việc giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*55 hộ gia đình tại xã S*) cho hộ ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị L đối với thửa đất số 250, tờ bản đồ số 13, diện tích 25.757m^2, mục đích sử dụng đất rừng sản xuất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB042318 ngày 13/5/2010 là có căn cứ, đúng trình tự thủ tục và đúng quy định Luật đất đai năm 2003 và Nghị định 181/2004/ND-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ và Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính. Sau khi được giao đất, hộ bà L đã tiến hành trồng rừng theo dự án trên phần lớn diện tích đất được cấp; riêng diện tích đất tranh chấp 973,2m^2, theo lời khai của bà L là do hoàn cảnh nên đã cho ông Đ mượn sử dụng.

[2] Ông Cao T Đ cho rằng nguồn gốc diện tích 973m^2 (*theo kết quả thẩm định ngày 01/4/2021*) tại thửa đất số 250, tờ bản đồ số 13 đang tranh chấp là của bố mẹ ông Đ khai hoang, sử dụng ổn định liên tục từ những năm 1980 cho đến nay nhưng bà L không thừa nhận và cho rằng ông Đ mượn diện tích đất tranh chấp; ông Đ không có chứng cứ để chứng minh việc sử dụng đất từ năm 1980 cho đến thời điểm tranh chấp (*năm 2020*), các cây cối trên đất không phải là của gia đình ông Đ (*ông Đ thừa nhận các cây cối trên đất tranh chấp không phải do ông trồng mà do ông Cao Xuân Sáng trồng làm hàng rào*). Bên cạnh đó, theo lời trình bày của Ủy ban nhân dân xã S (*Công văn số 100/UBND ngày 26/10/2021*) thể hiện là đất do UBND xã S quản lý và gia đình ông Đ cũng không đăng ký kê khai đối với thửa đất số 250, tờ bản đồ số 13. Do đó, lời khai nại của ông Đ cho rằng diện tích đất 973,2m^2 thuộc thửa đất 250, tờ bản đồ số 13 xã S do gia đình ông khai hoang, sử dụng ổn định liên tục từ năm 1980 là không có cơ sở chấp nhận.

Mặt khác, việc giao đất phát triển trồng rừng kinh tế là thực hiện theo dự án bảo tồn khu vực X, đã được 100% hộ dân thôn S thỏa thuận thống nhất tại Biên bản họp thôn ngày 18/10/2009 (*do bị đơn Cao T Đ chủ trì*) và đăng ký tham gia dự án tại danh sách đăng ký ngày 28/10/2009; thực hiện dự án, gia đình bị đơn Cao T Đ cũng đã được giao đất lâm nghiệp theo dự án tại một vị trí khác từ năm 2009. Bên cạnh đó, tại thời điểm giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đinh Thị L và ông Đinh Văn T (*vào năm 2010*) thì ông Cao T Đ làm trưởng thôn là người tham gia việc dẫn đạc, cắm mốc giới giao đất và biết được việc niêm yết công khai, việc cấp đất cho các hộ gia đình, trong đó có hộ bà Đinh Thị L và ông Đinh Văn T nhưng ông Đ không phản đối hoặc khiếu nại là đã thừa nhận việc giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho

hộ ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị L đối với thửa đất số 250, tờ bản đồ số 13 của Ủy ban nhân dân huyện M.

Ngoài ra, ông Cao T Đ còn cho rằng Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 042381 ngày 13/5/2010 cho hộ ông Đinh Văn T, bà Đinh Thị L là tại khu vực Đ, không phải khu vực Đá Giăng. Tuy nhiên, ông Đ không có tài liệu, chứng cứ chứng minh diện tích đất tranh chấp là khu vực Đá Giăng; các nhân chứng Đinh Xuân Trân, Cao Thái Văn, Đinh Đô, Đinh T và đại diện của UBND xã S đều có khai xác định vùng đất tranh chấp là vùng đất có tên gọi là Đ; khu vực Đá Giăng là do ông Đ tự đặt ra.

[3] Từ phân tích nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Cao T Đ.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm*:* Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Cao T Đ phải chịu.

[5] Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Cao T Đ; giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Căn cứ Điều 175 Bộ luật dân sự; Điều 100, Điều 166, Điều 170, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lí và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị L buộc ông Cao T Đ phải trả lại 973,2m^2 diện tích đất đã lấn chiếm thuộc thửa đất 250, tờ bản đồ số 13 xã S, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

2/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Cao T Đ yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 042318, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00730 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/5/2010, thửa 250, tờ bản đồ số 13 tại khu vực Đ, xã S, huyện M, tỉnh Quảng Bình mang tên ông Đinh Văn T và bà Đinh Thị L.

3/ Ông Cao T Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 05004 ngày 27/6/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (*do ông Đinh Văn L nộp thay*).

4/ Các quyết định về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Phước Thanh